

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS - PT

Ngày 07 - 6 - 2021

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- *Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vân

Các Thẩm phán: Ông Trương Quyết Thắng

Ông Lương Văn Đài

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 07/6/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2021/TLPT-DS ngày 09/3/2021 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” do bản án dân sự số 05/2021/DS-ST ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị Bị đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐ-PT ngày 16/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 26/2021/QĐ-PT ngày 11/5/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn N

Địa chỉ: Số nhà 63, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 060, ngõ 20, đường T, phường P, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N

Địa chỉ: Số nhà 074, đường Đ, tổ 35, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn: Anh Trần Mạnh H - Địa chỉ: Số nhà 007, đường T, tổ 17, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người làm chứng:

- Anh Lê Xuân Q - Địa chỉ: Số nhà 766, đường H, tổ 01, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Anh Trần Đức L - Địa chỉ: Số nhà 1532, tòa HH3A, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn anh Trần Văn N trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên khoảng tháng 11/2013, anh N cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền là 630.000.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi triệu đồng*), anh N giao tiền cho bà N tại khách sạn ở thành phố Hà Nội và có người làm chứng là anh Trần Đức L - Địa chỉ: Số nhà 1532, tòa HH3A, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Sau khi bà N vay được tiền thì đưa tiền cho một người bán thuốc, anh N không buôn bán chung với bà N về số thuốc này. Sau đó anh N đã nhiều lần đòi tiền thì bà N đều xin khất nợ. Đến ngày 04/7/2014, anh đến nhà bà N yêu cầu trả tiền thì bà N vẫn trình bày khó khăn và xin trả số tiền là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) và tự viết giấy nhận nợ nên anh N đồng ý, khi làm giấy vay tiền có sự chứng kiến của anh Lê Xuân Q - Địa chỉ: Số nhà 766, đường H, tổ 01, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Theo Giấy nhận nợ thì bà N cam kết trả dần hàng tháng đến khi hết nợ nhưng bà N không thực hiện. Anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho anh số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Bị đơn bà Nguyễn Thị N và Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Trần Mạnh H trình bày:

Giữa bà Nguyễn Thị N và anh Trần Văn N có quan hệ quen biết làm ăn chung, hai bên góp tiền để mua thuốc Tây để bán kiếm lời, số tiền anh N góp vốn là 630.000.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi triệu đồng*). Khi bà N mua, nhận hàng và trả tiền anh N đều chứng kiến. Sau khi bà N mang hàng về Lào Cai không bán được do chất lượng kém, anh N nhiều lần lên Lào Cai có biết, do hàng để lâu không bán được hết hạn sử dụng. Anh N nói với bà N sợ vợ nghĩ cầm tiền đi tiêu chứ không phải sử dụng để làm ăn, nên nhờ bà N ký giấy nhận nợ ngày 04/7/2014 với số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*) để anh N có cơ sở nói với vợ. Do có quan hệ thân quen và bà N cũng cho rằng tự mình có một phần lỗi khi mua hàng kém chất lượng nên đồng ý ký vào giấy vay nợ, nếu sau này làm ăn được hàng tháng sẽ bù trừ một phần cho anh N. Bà N xác định giấy nhận nợ trên là hoàn toàn giả tạo, hoàn toàn không có sự việc bà N vay tiền của anh N nên bà N không đồng ý trả số tiền nêu trên. Nếu anh N rút đơn khởi kiện bà N sẽ hỗ trợ anh N một phần tiền để bù đắp kinh doanh bị thua lỗ.

Bản án số 05/2021/DS-ST ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố

L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện anh Trần Văn N đối với bà Nguyễn Thị N như sau: Buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn N, số tiền là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành xong hàng tháng bà Nguyễn Thị N phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 22/02/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn anh Trần Văn N giữ nguyên đơn khởi kiện và cho rằng do có mối quan hệ quen biết với bà N từ trước nên mặc dù anh cho bà N vay số tiền 630.000.000 đồng, sau đó anh cũng lên nhà bà N nhiều lần để đòi nhưng bà N không có để trả, do thấy hoàn cảnh của bà N khó khăn nên anh đồng ý theo yêu cầu của bà N là sẽ trả cho anh số tiền 350.000.000 đồng và để bà N viết giấy nợ anh số tiền trên, đến nay bà N đã có khả năng trả nợ nhưng không trả tiền nên anh mới khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị N là anh Trần Mạnh H giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự tạm ngừng phiên tòa để đối chất giữa hai người làm chứng là anh Lê Xuân Q và anh Trần Đức L vì có lời khai mâu thuẫn nhau, đối chất giữa bà N với hai người làm chứng, xác định con gái bà N là người làm chứng trong vụ án và lấy lời khai để làm rõ những vấn đề liên quan vì Giấy nhận nợ ngày 04/7/2014 được bà N viết tại nhà, khi đó có mặt cả con gái bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xét xử theo hướng bác đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm 05/2021/DS-ST ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai, tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị N:

[2.1] Xét Giấy nhận nợ ngày 04/7/2014:

Giấy nhận nợ ngày 04/7/2014 do bà Nguyễn Thị N viết có nội dung: “Tôi có nợ anh Trần Văn N số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng), tôi xin nhận trả dần hàng tháng cho anh N khi nào hết, với hình thức trả góp hàng tháng cho anh N”. Quá trình giải quyết vụ án, bà N thừa nhận có viết và ký Giấy nhận nợ ngày 04/7/2014. Xét thấy, việc bà N viết, ký Giấy nhận nợ trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị đe dọa, ép buộc. Bà N cho rằng việc bà viết Giấy nhận nợ là giả tạo, do tin tưởng và có quan hệ làm ăn với anh N, bị thua lỗ nên viết Giấy nhận nợ này để anh N mang về nói cho vợ anh N yên tâm. Tuy nhiên bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc giữa bà với anh N có quan hệ hợp tác làm ăn và đã thỏa thuận viết Giấy nhận nợ nhưng là giả tạo.

Trong Giấy nhận nợ ngày 04/7/2014 có người làm chứng là anh Lê Xuân Q. Theo Bản tự khai của anh Lê Xuân Q tại TAND thành phố L thì anh Q xác nhận có được chứng kiến việc giữa anh N và bà N viết Giấy vay nhận tiền với số tiền 350.000.000 đồng, bà N tự nguyện viết giấy nhận nợ. Người làm chứng là anh Trần Đức L khai có chứng kiến việc anh Trần Văn N đưa cho chị Nguyễn Thị N vay số tiền 630.000.000 đồng tại một khách sạn ở Hà Nội. Anh L là bạn của cả anh N và chị N. Xét thấy lời khai của hai người làm chứng phù hợp với lời khai của anh N. Mặt khác giữa hai người làm chứng không có mặt tại cùng một thời điểm, lời khai cũng không mâu thuẫn nhau nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại phiên tòa là tạm ngừng phiên tòa để đối chất giữa hai người làm chứng.

Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để đối chất giữa bà N, ông N với hai người làm chứng. Xét thấy, ông Trần Mạnh H đã tham gia tố tụng với tư cách là Người đại diện theo

ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị N từ đầu nhưng quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm ông Hùng đều không có đề nghị gì. TAND tỉnh Lào Cai đã triệu tập người làm chứng đến phiên tòa (02 lần) nhưng người làm chứng ông Lê Xuân Q và ông Trần Đức L đều vắng mặt, không có lý do. Xét thấy, người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đề nghị của ông Hùng về việc tạm ngừng phiên tòa.

Đối với đề nghị của Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn ông Trần Mạnh H về việc đưa con gái bà N vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng và lấy lời khai vì Giấy nhận nợ ngày 04/7/2014 được bà N viết tại nhà, khi đó con gái bà cũng có mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh N trình bày việc bà N viết Giấy nhận nợ ngày 04/7/2014 tại nhà, khi đó con gái bà có nhà nhưng không chứng kiến việc viết giấy mà đi vào phòng khác. Vì vậy, không có căn cứ xác định con gái bà N chứng kiến việc viết Giấy nhận nợ, đề nghị của ông Hùng là không có cơ sở để chấp nhận.

Vì vậy, có đủ căn cứ xác định giữa anh N với bà N có xác lập giao dịch vay tiền, thỏa thuận vay tiền là hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên phải thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong giao dịch dân sự.

[2.2] Về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Theo Giấy nhận nợ ngày 04/7/2014 có nội dung: *“Tôi xin nhận trả dần hàng tháng cho anh N khi nào hết, với hình thức trả góp hàng tháng cho anh N”*. Xong sau khi ký Giấy nhận nợ, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, anh N chưa nhận được khoản tiền nào từ bà N nên anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N có trách nhiệm trả cho bà số tiền 350.000.000đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2.3] Về lãi suất:

Theo Đơn khởi kiện anh Trần Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết về lãi suất, trong Giấy nhận nợ ngày 04/7/2014 cũng không thỏa thuận về lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Từ những phân tích trên thấy rằng, Tòa án sơ thẩm nhận định hợp đồng vay tài sản giữa anh Trần Văn N và bà Nguyễn Thị N ký kết là tự nguyện, không bị ép buộc và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh về việc Giấy nhận nợ ngày 04/7/2014 là giả tạo. Xét thấy, nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị N là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND thành phố L.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm 05/2021/DS-ST ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2012/0008921 ngày 02/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND Tp.Lào Cai;
- Chi cục THADS Tp.Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSYA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Khánh Vân